TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985; tH trú: Số 41/16 khu phố T, pH Đ, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Huy D, sinh năm 1983; tH trú: Số 41/16 khu phố T, pH Đ, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng, chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Phạm Thị H và anh Phan Huy D tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 44/KH/2007, Quyển số 01 ngày 30 tháng 3 năm 2007. Việc tìm hiểu, chung sống và kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 41/16 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, tH xuyên cải nhau, không tìm được tiếng nói chung. Tình trạng này kéo dài tình cảm vợ chồng theo đó cũng phai nhạt dần, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị H và anh D đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Huy D.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Trần Đức Đ, sinh ngày 28/9/2007 và Phan Trần Phúc N, sinh ngày 04/3/2018. Sau ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Phan Huy D:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Phan Huy D có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Phạm Thị H nhưng anh Phan Huy D không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Huy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/7/2020 nhưng anh D vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phan Huy D đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phan Huy D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Đ, thành phố D, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 44/KH/2007, Quyển số 01 ngày 30 tháng 3 năm 2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND pH Đ ngày 28/5/2020 thể hiện: Mâu thuẫn của chị H và anh D chính quyền địa phương không rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật đề xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Phạm Thị H cho rằng quá trình chung sống anh Phan Huy D và chị không tìm được tiếng nói chung, tH xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, chị H xác định tình cảm dành cho anh D không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Riêng anh Phan Huy D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh D đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D không lên và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Phạm Thị H.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phan Trần Đức Đ, sinh ngày 28/9/2007 và Phan Trần Phúc N, sinh ngày 04/3/2018. Trong thời gian trước đây cũng như hiện tại hai cháu ở với chị H, quá trình nuôi dưỡng con vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt là được sống cùng chị H sau khi cha, mẹ ly hôn. Mặt khác, anh D cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H về việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Phan Huy D cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 338, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phan Huy D (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/KH/2007, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân pH Đ, thành phố D, tỉnh B cấp ngày 30 tháng 3 năm 2007).

2. Về con chung: Anh Phan Huy D giao chung hai con chung tên Phan Trần Đức Đ, sinh ngày 28/9/2007 và Phan Trần Phúc N, sinh ngày 04/3/2018 cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Phan Huy D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Phạm Thị H và anh Phan Huy D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040260 ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND pH Đ, thành phố D, tỉnh D;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy